

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2021/HNGĐ-PT**

Ngày: 05 - 03 -2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Khánh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng và ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 44/2020/DSPT ngày 30/11/2020, về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung”*. Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2020/HNGĐ-ST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐ-PT ngày 18/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5A/2021/QĐ-PT ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 (có mặt)

Trú tại: Đường L, Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hữu M, sinh năm 1981 (có mặt)

Trú tại: Đường Đ, Tổ dân phố B, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người kháng cáo: Nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Lê Hữu M quen biết, tìm hiểu được khoảng 01 năm thì tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện C ngày 22 tháng 3 năm 2016. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh M có hành vi

bạo lực gia đình, không quan tâm đến gia đình bên vợ. Từ tháng 6/2019 vợ chồng không chung sống với nhau cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau nữa. Nguyên vọng của chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lê Hữu M.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Hữu Đăng K, sinh ngày 04/01/2017. Nguyên vọng của chị H xin được nuôi con chung vì chị H đang trực tiếp nuôi con chung từ tháng 01/2020 cho đến nay, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Theo yêu cầu của anh M, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, có tính đến công sức đóng góp vào số tài sản này.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Lê Hữu M trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:
Anh xác nhận lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung là đúng, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do thỉnh thoảng cãi nhau, còn chị H trình bày anh M đánh vợ là không có, nay chị H làm đơn xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung anh M xin được nuôi con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 tài sản là: 01 thửa đất có diện tích 132,4m² tại xã U, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo thửa đất số 01, bản trích đo số 01 khu chợ U, trên đất có 01 căn nhà tạm, có mái che khung sắt; 01 thửa đất có diện tích 40m² tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9a.

Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, có tính đến công sức đóng góp vào khối tài sản chung và chia tài sản theo tỉ lệ anh M 06 phần, chị H 04 phần vì anh M có đóng góp công sức lớn hơn vào khối tài sản là tiền từ việc chuyển nhượng 02 thửa đất của anh M có trước thời kỳ hôn nhân với chị H.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2020/HNGĐ-ST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về quan hệ hôn nhân, con chung

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hữu M về chia tài sản chung.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Hữu M.

Về con chung: Giao cháu Lê Hữu Đăng K, sinh ngày 04/01/2017 cho anh Lê Hữu M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về tài sản chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng 40m² đất tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9a, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 620228 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 09/5/2014 trên đất có xây dựng căn nhà xây cấp 4 cho chị Lê Thị H trị giá 1.000.000.000 đồng.

Giao cho anh Lê Hữu M quản lý, sử dụng 132,4m² đất tại xã U, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo thửa đất số 01, bản trích đo số 01 khu chợ U theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 668222 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/12/2014, trên đất có 01 căn nhà tạm, có mái che khung sắt trị giá 1.000.000.000 đồng.

Chị H và anh M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/10/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm về phân chia tài sản chung và quyền nuôi con. Chị H cho rằng mình là người có đóng công sức nhiều hơn anh M trong việc hình thành tài sản chung nên phải chia tài sản cho chị H nhiều hơn và giao cháu Khôi cho chị H nuôi dưỡng vì chị H đủ điều kiện hơn anh M về công việc, thu nhập.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, nội dung kháng cáo; bị đơn giữ nguyên yêu cầu và đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, lập luận, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2020/HNGĐ-ST ngày 09/10/2020 của Toà án nhân dân huyện Cư

M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo hướng giao con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung vì xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu M đều xác định có 02 tài sản là 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất trong khối tài sản chung và yêu cầu Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật nhưng có tính tới công sức đóng góp của từng người. Bản án sơ thẩm đã giao cho chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng 40m² đất tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk trên đất có xây dựng căn nhà xây cấp 4; Giao cho anh Lê Hữu M quản lý, sử dụng 132,4m² đất tại xã U, huyện C, tỉnh Đắk Lắk trên đất có 01 căn nhà tạm, có mái che khung sắt. Cả 02 tài sản trên đều có giá trị bằng nhau theo kết quả định giá là 1.000.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đến công sức đóng góp của cả 2 vợ chồng vào khối tài sản chung và xác định nguồn gốc hình thành tài sản có từ việc chuyển nhượng căn nhà và đất tại đại chỉ số 129 H thị trấn Q, huyện C được hình thành thời kỳ hôn nhân với giá 2.700.000.000 đồng, việc hình thành tài sản chung các bên không có tài liệu chứng cứ để chứng minh được là ai có công sức đóng góp nhiều hơn nên việc phân chia tài sản chung như quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp.

Ngoài ra, trước khi xét xử phúc thẩm, chị H có đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 01/3/2021, văn bản trình bày ý kiến và đơn yêu cầu thẩm định, định giá lại tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, sau khi nghe Hội đồng xét xử phúc thẩm giải thích quy định của pháp luật, thì chị H không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại và không có ý kiến gì về phần định giá lại đối với các tài sản chung mà cấp sơ thẩm đã phân chia nữa. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H kháng cáo cho rằng chị là người có công sức đóng góp nhiều hơn trong việc hình thành tài sản chung, nhưng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh và không cung cấp thêm cho Tòa án tài liệu gì mới sau khi xét xử sơ thẩm. Do đó kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh M có 01 con chung là cháu Lê Hữu Đăng K, sinh ngày 04/01/2017. Anh M và chị H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi

con, không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu K đã trên 36 tháng tuổi. Quá trình tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa ngày hôm nay các bên đều xác định bắt đầu từ thời gian hai vợ chồng khi ly thân (từ tháng 6/2019), chị H đi về nhà mẹ đẻ sinh sống thì anh M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Khôi. Quá trình anh M nuôi dưỡng cháu K vẫn đảm bảo đầy đủ các điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cháu Khôi phát triển bình thường, khỏe mạnh. Mặt khác, tại cấp phúc thẩm anh M còn cung cấp thêm Hợp đồng lao động có thể hiện mức lương là 7.500.000 đồng, ngoài ra thì anh M còn có thu nhập kinh tế từ việc canh tác rẫy cà phê là tài sản riêng để chứng minh anh M có công việc và thu nhập ổn định. Xét về hoàn cảnh điều kiện về kinh tế, nơi sinh sống làm việc và môi trường sống, thì anh M đảm bảo hơn chị H về điều kiện nuôi con. Mặt khác, tại cấp phúc thẩm, chị H kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết nào mới để chứng minh bản thân có khả năng nuôi con tốt hơn anh M. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, việc bản án sơ thẩm giao cháu K cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở và phù hợp, cần giữ nguyên.

[3] Về án phí:

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được giữ nguyên.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2020/HNGĐ-ST ngày 09/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Hữu M.

[2]. Về con chung: Giao cháu Lê Hữu Đăng K, sinh ngày 04/01/2017 cho anh Lê Hữu M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3]. Về tài sản chung:

Giao cho chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 9a, tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 40m² đất (diện tích theo thực tế khi thẩm định là 56m²) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 620228 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 09/5/2014 cho ông Lê Đức L và bà Võ Thị Nguyệt T, đã chỉnh lý, đăng ký biến động quyền sử dụng đất cho ông Lê Hữu M và bà Nguyễn Thị H vào ngày 10/01/2019, trên đất có xây dựng căn nhà xây cấp 4, có giá trị là 1.000.000.000 đồng.

Giao cho anh Lê Hữu M quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ: Bản trích đo số 01 khu chợ U, địa chỉ: xã U, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, diện tích 132,4m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 668222 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/12/2014 cho ông Nguyễn Trung T, đã chỉnh lý, đăng ký biến động quyền sử dụng đất cho ông Lê Hữu M và bà Nguyễn Thị H vào ngày 26/03/2019, trên đất có 01 căn nhà tạm, có mái che khung sắt, có giá trị là 1.000.000.000 đồng.

Chị H và anh M có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[4.1]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004598 ngày 07/10/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[4.2]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm có giá ngạch khi chia tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) án phí.

Anh Lê Hữu M phải chịu 42.000.000 đồng án phí. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 19.500.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0004127 ngày 06/11/2019

của chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh M còn phải nộp 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

[4.3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Hữu M mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với số tiền là 5.000.000 đồng. Anh M đã đóng tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng nên được nhận lại số tiền 2.500.000 đồng sau khi thu được của chị Nguyễn Thị H.

[4.4]. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016325 ngày 21/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Kim Khánh